

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 598/2026/HS-ST.

Ngày: 24/4/2026.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Đồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hương;

Ông Vũ Song Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Kim Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đạt – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai dưới hình thức trực tiếp Vụ án hình sự thụ lý số: 458/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 582/2026/QĐXXST-HS ngày 07/4/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Minh S**, sinh ngày 24 tháng 10 năm 2002 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang (nay là xã A, tỉnh An Giang); nơi ở hiện tại: P, Block A, Chung cư E, đường H, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Sinh viên; Cha tên Lê Minh P (sinh năm 1972), Mẹ tên Huỳnh Thị K (sinh năm 1978); vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/01/2025 tại Phân trại tạm giam C - Trại tạm giam Bó Lá, Công an Thành phố H, (có mặt).

2. Họ và tên: **Huỳnh Anh M**, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1999 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: Tổ B ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang (nay là xã A, tỉnh An Giang); nơi ở hiện tại: 419/15/7/22 đường K, Khu phố A, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh); Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 10/12; nghề

nghiep: Không; Cha tên Huỳnh Văn H (sinh năm 1958), Mẹ tên Trần Thị X (sinh năm 1967); vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/01/2025 tại Phân trại tạm giam C - Trại tạm giam Bó Lá, Công an Thành phố H, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Minh P**, sinh năm 1972. Căn cước công dân số: 089072027633 cấp ngày 15/10/2021. Địa chỉ: Ấp P, xã A, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh S và Huỳnh Anh M là bạn bè quen biết trước đó, do M mới đi bộ đội về thất nghiệp nên nhờ S tìm kiếm việc làm. Khoảng tháng 6/2024, S thấy trên các hội nhóm T về mua bán cần sa, có tuyển cộng tác viên đóng gói cần sa giao cho khách nên, S giới thiệu công việc này cho M. Thông qua ứng dụng Telegram S1 liên hệ với đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch sử dụng tài khoản tên “Alice” (gọi tắt là A) để hỏi thông tin về việc làm đóng gói cần sa giao cho khách thì được A đồng ý và gửi thông tin cụ thể về công việc. Sau đó, S1 thông báo nội dung công việc cho M là đóng gói ma túy cần sa và giao ma túy cho khách theo sự chỉ đạo để hưởng tiền công, Mỹ đồng ý tham gia. Tuy nhiên, để làm cộng tác viên bán ma túy, A yêu cầu chụp ảnh chân dung cá nhân cầm căn cước công dân và địa chỉ nơi ở để cung cấp cho A, do M bị mất căn cước công dân nên S1 đã chụp ảnh của S1 để gửi cho A.

Sau khi S1 đăng ký giúp Mỹ, đến khoảng tháng 8/2024, người tên A (sau đổi tên thành các tài khoản khác trên ứng dụng telegram là C, L, L và một số tài khoản khác), bắt đầu gửi hàng là ma túy loại cần sa thông qua Shiper giao hàng qua cho M tại địa chỉ: 4 Đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh). Quy trình nhận hàng và giao ma túy như sau: Mỗi lần nhận hàng M dùng điện thoại quay phim lại quá trình mở thùng hàng chứa cần sa và cân số lượng để gửi cho S1, sau đó S1 gửi đoạn clip do M quay cho A để xác nhận. Alice tạo hai nhóm trên ứng dụng T là “Đơn SG” và “Kho SG - S2” để gửi thông tin khách hàng cho S1, sau đó, S1 chuyển thông tin các đơn hàng trên cho M đi giao. Nhiệm vụ của S1 và M như sau: S1 làm trung gian nhận thông tin các đơn hàng từ Alice gửi đến, sau đó thông báo lại cho M thực hiện. Mỹ có nhiệm vụ nhận ma túy từ A gửi đến, sau đó sẽ cất giấu ma túy tại nhà. Khi có khách đặt mua ma túy từ A chuyển đến S1 sẽ thông báo cho M về địa chỉ của khách hàng, số lượng ma túy để Mỹ đóng gói, lên đơn và gửi hàng cho khách thông qua các ứng dụng giao hàng. Phí giao ma túy do khách hàng tự trả, S1 và M không nhận tiền bán ma túy (tiền bán ma túy

được A thu trước của khách mua cần sa). Về số tiền hưởng lợi từ việc bán ma túy: Mỗi đơn hàng, M sẽ được trả tiền công 100.000 đồng. Sau khoảng 07 ngày sẽ chốt số lượng đơn hàng và A chuyển trả tiền công cho M bằng hình thức chuyển khoản qua ví điện tử B liên kết với tài khoản ngân hàng V số tài khoản 0813597133 hoặc 100878989417 tên “HUYNH ANH MY”. Lê Minh S không hưởng lợi từ việc bán ma túy.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 8/2024 đến ngày 20/11/2024, theo sự chỉ đạo từ A, S và Mỹ đã thực hiện mua bán trái phép chất ma túy là cần sa nhiều lần, trong đó xác định 02 lần, như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 18/11/2024, S nhận thông tin người mua ma túy từ A, sau đó thông báo cho M. Mỹ tiến hành đóng gói 01 đơn hàng cần sa và thông qua ứng dụng giao hàng, giao đến địa chỉ số A đường L, phường T, thành phố H (nay là phường T, Thành phố H) cho đối tượng tên C1 (không rõ lai lịch) thông qua số điện thoại 0789806995 với khối lượng 15 gam cần sa. Tiền mua cần sa được thanh toán trực tiếp cho “Alice”.

- Lần thứ hai: Ngày 20/11/2024, La Hoàng L1 có nhu cầu sử dụng ma túy loại cần sa nên đã liên hệ tài khoản telegram tên “Lucky68” (là tài khoản Telegram khác của A) để đặt mua 02 gram cần sa với giá 500.000 đồng, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản thông qua ví B1 và cung cấp địa chỉ để nhận hàng tại L, chung cư H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi đặt hàng xong, A theo cách thức cũ liên lạc với S và Mỹ để M đặt shipper giao ma túy cho L1. Khi L1 nhận được ma túy đặt mua từ A, thì bị công an phát hiện và đưa về trụ sở làm việc.

Ngoài ra, trong quá trình đóng gói cần sa, Huỳnh Anh M còn tự ý thu gom cần sa vụn còn sót lại để bán cho một số con nghiện. Ngày 20/11/2024, do có nhu cầu sử dụng ma túy loại cần sa nên Nguyễn Gia H1 đã liên hệ M để mua 01 gram cần sa từ Huỳnh Anh M với giá 200.000 đồng, do trước đây đã mua cần sa của Mỹ khoảng 03 - 04 lần nên H1 đến trực tiếp đến nhà M tại địa chỉ 419/15/7/22 K để lấy ma túy thì bị Cơ quan điều tra phát hiện đưa H1, Mỹ về trụ sở làm việc.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra đưa Lê Minh S, La Hoàng L1, Huỳnh Hải T1 và Hồ Đình L2 về làm việc. Tiến hành khám xét nơi ở của Lê Minh S và Hồ Đình L2 thu giữ được ma túy là cần sa. Nguồn gốc ma túy thu được tại nhà S do S mua trên ứng dụng Telegram và được ship về ngày 18/4/2024, với giá 200.000 đồng khoảng 50 gram để sử dụng, đối với ma túy thu được tại nhà Luật là do Mỹ cho. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Huỳnh Anh M, Lê Minh S, La Hoàng L1 khai nhận nội dung sự việc như trên. Đồng thời M còn khai nhận, vụn cần sa sau khi thu gom, M còn cho Huỳnh Hải T1 và Hồ Đình L2 (là em trai và em họ) đem về nhà sử dụng, tuy nhiên M

không nhớ thời gian đã cho T1 và Luật ma túy là khi nào. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, T1 và L2 thừa nhận bản thân có sử dụng ma túy loại cần sa, do biết M có cần sa nên thỉnh thoảng xin về để sử dụng tại nhà, T1 và L2 không sử dụng với nhau.

La Hoàng L1 khai nhận đã mua ma túy của L 68 khoảng 03 đến 04 lần mỗi lần mua khoảng 01 - 02 gam ma túy cần sa.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với Huỳnh Hải T1, La Hoàng L1, Hồ Đình L2: Dương tính với M1 - Cần sa.

Kết luận giám định số 1115/KL-KTHS ngày 09/01/2025 của Phòng K1 Công an Thành phố H đối với ma túy thu giữ của Lê Minh S, kết luận: Gói 01: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m1 cần giám định có khối lượng 111,67g, là cần sa; Gói 02: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m2 cần giám định có khối lượng 0,0553g, là cần sa.

Kết luận giám định số 13897/KL-K THS ngày 29/11/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H đối với ma túy thu giữ của Huỳnh Anh M, kết luận: Gói 01: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m1 cần giám định có tổng khối lượng 1.000g, là cần sa; Gói 02: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m2 cần giám định có khối lượng 400g, là cần sa; Gói 03: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m3 cần giám định có khối lượng 2350g, là cần sa; Gói 04: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m4 cần giám định có khối lượng 600g, là cần sa, thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m5 cần giám định có khối lượng 150g, là cần sa; Gói 05: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m6 cần giám định có khối lượng 150g, là cần sa, thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m7 cần giám định có khối lượng 350g, là cần sa; Gói 06: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m8 cần giám định có khối lượng 850g, là cần sa.

Kết luận giám định số 13909/KL-KTHS ngày 29/11/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H đối với ma túy thu giữ của La Hoàng L1, kết luận: Gói 01: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m1 cần giám định có khối lượng 3,12g, là cần sa; Gói 02: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m2 không xác định được khối lượng do mẫu quá ít, là cần sa.

Kết luận giám định số 13907/KL-KTHS ngày 29/11/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H đối với ma túy thu giữ của Hồ Đình L2, kết luận: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m cần giám định có khối lượng 2,81g, là cần sa.

Với những tình tiết nêu trên, Cáo trạng số: 344/CT-VKSKV2 ngày 31/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Lê Minh S, Huỳnh Anh M về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Lê Minh S, Huỳnh Anh M, đều khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng, thừa nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; các bị cáo không có ý kiến đối với các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

- Ông Lê Minh P trình bày: Chiếc xe máy hiệu AirBlade biển số 67G1-123.68 do tôi là chủ sở hữu, tôi đưa xe này cho con trai là Lê Minh S làm phương tiện đi học trên S, tôi hoàn toàn không biết S dùng nó làm phương tiện trong việc phạm tội. Hiện chiếc xe máy trên đang bị tạm giữ, tôi đề nghị Tòa án cho tôi được nhận lại tài sản là chiếc xe máy nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm luận tội: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra, lời nhận tội của các bị cáo và diễn biến của phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Minh S, Huỳnh Anh M phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng Điều 17; Điều 38; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS, xử phạt Lê Minh S từ 05 năm đến 06 năm tù;

+ Áp dụng Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 251 BLHS, xử phạt Huỳnh Anh M từ 08 năm đến 09 năm tù; phạt bổ sung số tiền 20.000.000 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng, đồ vật liên quan đến vụ án và án phí hình sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

- Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đều thừa nhận mình có tội, thống nhất với các hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát truy tố và không có ý kiến đối với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo.

- Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi sai trái của mình, thật sự ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét một cách toàn diện về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét nhân thân và hoàn cảnh gia đình của từng bị cáo, từ đó cân

nhắc áp dụng hình phạt với mức án khoan hồng để các bị cáo sớm có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở về với gia đình, phấn đấu trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trên cơ sở lời khai nhận tội của các bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận: Từ khoảng tháng 8/2024 đến ngày 20/11/2024, tại địa chỉ 419/15/7/22 Đường D phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh), Lê Minh S và Huỳnh Anh M có hành vi tàng trữ trái phép 5.855,93 gam là ma túy loại cần sa từ đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch dùng tài khoản “Alice” gửi đến với mục đích để mua bán. Trong khoảng thời gian trên theo chỉ đạo từ A, S và Mỹ đã bán ma túy là cần sa 02 lần vào các ngày 18/11/2024 và 20/11/2024. Ngoài ra, quá trình đóng gói cần sa, M còn lấy vụn cần sa sót lại bán riêng cho Nguyễn Gia H1 01 gram cần sa với giá 200.000 đồng, H1 trực tiếp đến nhà M tại địa chỉ 419/15/7/22 K nêu trên để lấy hàng thì bị bắt quả tang; La Hoàng L1 và H1 trước đó cũng đã từng mua khoảng 3 - 4 lần của Mỹ với hình thức như trên nhưng không xác định được thời gian, địa điểm và số lượng ma túy cần sa đã mua.

Với những phân tích trên cùng với lời khai nhận tội của các bị cáo, cho thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo các điểm, khoản, điều luật như nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

- Xét các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đều nhận thức được các hành vi nêu trên là hành vi bị nghiêm cấm, hành vi vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện; hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Do đó, để đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung thì việc truy tố, xét xử và buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Minh S, Huỳnh Anh M đều thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó cần thiết cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo Lê Minh S, xét thấy bị cáo S là sinh viên, quá trình học tập bị cáo có nhiều thành tích khen thưởng, nhiều năm liền là học sinh xuất sắc, học sinh giỏi, nhiều lần đạt giải trong cuộc thi Olympic Tiếng Anh; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt pháp luật tại địa phương; ngoài ra, bị cáo có ông ngoại là thương binh, là người có công với cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, do đó cần thiết cho bị cáo S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Căn cứ tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo cũng như mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội gây ra của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức hình phạt phù hợp, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Minh S, xét bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có 2 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS, do đó cần xem xét áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cho bị cáo như đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp:

- Tại khoản 5 Điều 251 BLHS quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Xét thấy, bị cáo Huỳnh Anh M thực hiện hành vi phạm tội vì vụ lợi, nhiều lần được nhận tiền công, do đó cần thiết buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Tuy nhiên, mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa tương

đổi lớn so với khả năng tài chính và thu nhập của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xử phạt số tiền 5.000.000 đồng đối với bị cáo là phù hợp.

- Đối với bị cáo Lê Minh S, bản thân bị cáo là sinh viên, không có thu nhập, mặt khác quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không thu lợi, do đó Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng (thu giữ của Lê Minh S); 01 (một) điện thoại di động Iphone XR, đã qua sử dụng (thu giữ của Huỳnh Anh M). Xét đây là các công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc với nhau trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với: 01 thùng cactong được niêm phong, ghi ký hiệu G1, là ma túy còn lại sau giám định; 01 thùng nhựa nắp màu hồng được niêm phong, ghi ký hiệu G2, là ma túy còn lại sau giám định; 01 gói niêm phong ghi số vụ 13909/24, gói 2, là ma túy còn lại sau giám định; 01 cân điện tử màu trắng; 01 máy hút chân không; 01 máy khô nhiệt; 100 gói nylon màu bạc; 20 thùng gói cartong. Xét đây là dụng cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, và chất ma túy còn lại sau giám định, không còn giá trị sử dụng, không được phép lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Honda AirBlade, màu trắng, biển số 67G1-123.68, xét đây là tài sản của ông Lê Minh P, việc bị cáo S dùng tài sản này tham gia vào việc phạm tội ông P không biết. Do đó, cần giao trả lại tài sản trên cho ông Lê Minh P theo quy định.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt.

- Căn cứ Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Anh M** 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2025.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Huỳnh Anh M số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ Điều 17; Điều 38; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo **Lê Minh S** 05 (năm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động Iphone XR, đã qua sử dụng (không kiểm tra dung lượng, do máy không hoạt động).

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thùng cactong được niêm phong, ghi ký hiệu G1, là ma túy còn lại sau giám định; 01 thùng nhựa nắp màu hồng được niêm phong, ghi ký hiệu G2, là ma túy còn lại sau giám định; 01 gói niêm phong ghi số vụ 13909/24, gói 2, là ma túy còn lại sau giám định; 01 cân điện tử màu trắng; 01 máy hút chân không; 01 máy khô nhiệt; 100 gói nylon màu bạc; 20 thùng gói cartong.

- Giao trả lại cho ông Lê Minh P: 01 chiếc xe mô tô kiểu dáng Honda AirBlade, màu trắng, biển số 67G1-123.68 (xe đã qua sử dụng, xe không hoạt động, không kiểm tra được tình trạng bên trong).

(Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số: 525/BB2/26 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo: Lê Minh S, Huỳnh Anh M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Các bị cáo Lê Minh S, Huỳnh Anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời

hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2 – TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng PV06, PC10 - Công an TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 2 – TP.Hồ Chí Minh;
- Thi hành án hình sự;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án (Đ-K.Anh) 20.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Danh Đồi